

Số: 116/KH-UBND

*Trạm Tấu, ngày 12 tháng 5 năm 2023*

### **KẾ HOẠCH**

#### **Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn huyện Trạm Tấu**

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/04/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 11/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Thực hiện Kế hoạch số 122-KH/HU ngày 08/3/2023 của Huyện ủy Trạm Tấu về thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2023;

Thực hiện Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 26/4/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Trạm Tấu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững huyện Trạm Tấu giai đoạn 2022-2025;

Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững huyện Trạm Tấu năm 2023 với các nội dung như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

- Triển khai thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 61-NQ/TU ngày 20/10/2021 của Tỉnh ủy về tiếp tục lãnh đạo hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 115-KH/TU ngày 28/02/2023 của Tỉnh ủy Yên Bái về thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2023; Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 4/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Yên Bái giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 59-KH/HU, ngày 22/12/2021 của Huyện ủy Trạm Tấu về thực hiện Nghị quyết số 61-NQ/TU ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Yên Bái về tiếp tục lãnh đạo hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 122-

KH/HU ngày 08/3/2023 của Huyện ủy Trạm Tấu về thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2023; Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 26/4/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Trạm Tấu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững huyện Trạm Tấu giai đoạn 2022-2025 trong năm 2023 đảm bảo nghiêm túc, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ về giảm nghèo gắn với phân công rõ nhiệm vụ cho các cơ quan, ban, ngành, các xã, thị trấn trong việc thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023.

## **2. Yêu cầu**

- Các cơ quan, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ và các dự án, tiểu dự án được giao tại Chương trình có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn tổ chức thực hiện các dự án, chính sách hỗ trợ giảm nghèo đảm bảo cụ thể, chi tiết, phù hợp với các quy định và điều kiện thực tiễn của địa phương; kịp thời, công khai, minh bạch.

- Các xã, thị trấn căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu của hộ nghèo, hộ cận nghèo và người dân trên địa bàn, trên cơ sở nguồn vốn được giao và hướng dẫn của các cơ quan liên quan để xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể, khả thi hỗ trợ các hộ nghèo thoát nghèo; đảm bảo kết quả giảm nghèo thực chất, bền vững.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững; hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện từng bước vượt trên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, nâng cao đời sống vật chất tinh thần; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **2.1. Giảm tỷ lệ hộ nghèo:**

Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện năm 2023 so với năm 2022 là 6,5% (giảm 401 hộ); chia theo các xã, thị trấn như sau:

(1) Thị trấn Trạm Tấu giảm 0,34% (giảm 02 hộ), tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2023 còn 4,95%.

(2) Xã Hát Lừu giảm 3,25% (giảm 27 hộ), tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2023 còn 8,5%.

(3) Xã Xà Hồ giảm 7,54% (giảm 41 hộ), tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2023 còn 64,20%.

(4) Xã Bản Mù giảm 7,67% (giảm 69 hộ), tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2023 còn 64,91%.

(5) Xã Bản Công giảm 7,39% (giảm 35 hộ), tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2023 còn 67,20%;

(6) Xã Trạm Tấu giảm 12,83% (giảm 63 hộ), tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2023 còn 38,14%.

(7) Xã Pá Hu giảm 7,42% (giảm 30 hộ), tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2023 còn 71,37%.

(8) Xã Pá Lau giảm 6,76% (giảm 19 hộ), tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2023 còn 62,05%.

(9) Xã Túc Đán giảm 7,64% (giảm 48 hộ), tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2023 còn 60,73%.

(10) Xã Phình Hồ giảm 7,60% (giảm 22 hộ), tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2023 còn 60,18%.

(11) Xã Làng Nhì giảm 6,78% (giảm 23 hộ), tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2023 còn 72,21%.

(12) Xã Tà Xi Láng giảm 6,66% (giảm 22 hộ), tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2023 còn 69,17%.

## **2.2. Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo:**

Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo toàn huyện năm 2023 so với năm 2022 là 1,5% (giảm 99 hộ); chia theo các xã, thị trấn như sau:

(1) Thị trấn Trạm Tấu giảm 0,14% (giảm 01 hộ), tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm 2023 còn 1,02%.

(2) Xã Hát Lừu giảm 6,71% (giảm 57 hộ), tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm 2023 còn 8,84%.

(3) Xã Xà Hồ giảm 0,56% (giảm 03 hộ), tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm 2023 còn 5,09%.

(4) Xã Bản Mù giảm 0,76% (giảm 07 hộ), tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm 2023 còn 5,66%.

(5) Xã Bản Công giảm 0,59% (giảm 03 hộ), tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm 2023 còn 3,19%;

(6) Xã Trạm Tấu giảm 1,61% (giảm 08 hộ), tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm 2023 còn 3,8%.

(7) Xã Pá Hu giảm 0,52% (giảm 02 hộ), tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm 2023 còn 6,34%.

(8) Xã Pá Lau giảm 0,72% (giảm 02 hộ), tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm 2023 còn 7,23%.

(9) Xã Túc Đán giảm 1,33% (giảm 08 hộ), tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm 2023 còn 13,59%.

(10) Xã Phình Hồ giảm 0,67% (giảm 02 hộ), tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm 2023 còn 3,89%.

(11) Xã Làng Nhì giảm 0,81% (giảm 03 hộ), tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm 2023 còn 5,23%.

(12) Xã Tà Xi Láng giảm 0,92% (giảm 03 hộ), tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm 2023 còn 10,53%.

### **2.3. Đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo:**

Phấn đấu, trong năm 2023: Đào tạo nghề cho 521 người; tư vấn, định hướng nghề nghiệp, giới thiệu việc làm cho 520 người; chuyển dịch 140 lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp.

*(Có Phụ lục số 01 và 02 kèm theo)*

### **2.4. Hỗ trợ hộ nghèo cải thiện tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản và nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo:**

a) Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách giảm nghèo để cải thiện điều kiện sống, giúp người nghèo tiếp cận ngày càng thuận lợi hơn với các dịch vụ xã hội trước hết là về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, vệ sinh, thông tin, việc làm... góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo do thiếu hụt các chiều tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản;

b) Cải thiện tốt hơn hệ thống hạ tầng thiết yếu ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn theo tiêu chí nông thôn mới;

c) Dự kiến năm 2023 có khoảng 2.938 hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ từ các dự án phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

d) 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được cấp thẻ bảo hiểm y tế; triển khai hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng, chống thiếu vi chất dinh dưỡng; triển khai thực

hiện công tác bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi) để giảm chiều thiếu hụt dịch vụ về y tế;

d) 100% học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, học sinh, sinh viên thuộc các đối tượng chính sách được miễn giảm học phí, hỗ trợ gạo và hỗ trợ chi phí học tập; thực hiện đồng bộ các chính sách khác về giáo dục và đào tạo theo quy định để giảm chiều thiếu hụt về giáo dục;

e) Bảo đảm 100% hộ nghèo, người nghèo có nhu cầu được trợ giúp pháp lý miễn phí, tạo điều kiện cho người nghèo hiểu biết quyền, nghĩa vụ của mình, chủ động tiếp cận các chính sách trợ giúp của Nhà nước để vươn lên thoát nghèo;

f) Tiếp tục hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình chính sách xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh và tăng số hộ được sử dụng nước sạch để giảm chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh;

h) Các hộ dân được tiếp cận thông tin về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kinh nghiệm sản xuất; tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thông qua báo chí, các xuất bản phẩm và các sản phẩm truyền thông; thực hiện hỗ trợ phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin và hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Nhà nước để giảm chiều thiếu hụt về tiếp cận thông tin;

i) Tổ chức tập huấn cho 100% công chức phụ trách công tác giảm nghèo cấp huyện, cấp xã, lãnh đạo Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; cán bộ đoàn thể cấp xã, cấp thôn; trưởng thôn, bản, tổ dân phố; thành viên ban chỉ ủy cấp thôn, người có uy tín tại cộng đồng... về kiến thức, kỹ năng quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; lập kế hoạch có sự tham gia của người dân để phát triển cộng đồng.

### III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

#### 1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

*Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu trên địa bàn huyện nghèo*

##### a) Nội dung hỗ trợ:

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, thiết yếu (công trình đầu tư cấp huyện, liên xã) phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

+ Đầu tư cho 30 công trình chuyển tiếp; nguồn vốn là 39.502 triệu đồng

Công trình giao thông, cầu, hạ tầng điện phục vụ dân sinh sản xuất: 03 công trình; kinh phí 10.000 triệu đồng.

Công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia: 02 công trình; kinh phí 12.200 triệu đồng;

Công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân: 10 công trình; kinh phí 11.795 triệu đồng;

Công trình thuỷ lợi phục vụ sản xuất: 15 công trình; kinh phí 5.507 triệu đồng.

+ Đầu tư mới 01 công trình: Kiên cố đường thôn Háng Tàu, thôn Tống Trong, thôn Tống Ngoài, xã Túc Đán đi xã Nghĩa Sơn, huyện Văn Chấn; kinh phí 6.500 triệu đồng.

+ Duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu: 01 công trình; kinh phí 4.354 triệu đồng.

**b) Kinh phí thực hiện: 52.230 triệu đồng** (vốn ngân sách trung ương 50.536 triệu đồng, ngân sách địa phương 1.874 triệu đồng), trong đó vốn đầu tư là 46.002 triệu đồng; vốn sự nghiệp 4.354 triệu đồng.

**c) Phân công thực hiện:** Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì, phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các xã tổ chức thực hiện.

## **2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

### **a) Nội dung hỗ trợ:**

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

**b) Kinh phí thực hiện: 5.268 triệu đồng** (vốn sự nghiệp, ngân sách trung ương).

### **c) Phân công thực hiện:**

- Đơn vị trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chỉ đạo tổ chức thực hiện.

### **3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**

#### **3.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp**

##### **a) Nội dung hỗ trợ:**

- Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định;

- Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng;

- Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thị trường, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

**b) Kinh phí thực hiện:** 2.324 triệu đồng (vốn sự nghiệp, ngân sách trung ương).

##### **c) Phân công thực hiện:**

- Đơn vị trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

#### **3.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng**

##### **a) Nội dung hỗ trợ:**

- Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện.

- Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

**b) Kinh phí thực hiện:** 960 triệu đồng (vốn sự nghiệp, ngân sách trung ương).

##### **c) Phân công thực hiện:**

- Đơn vị trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND và UBND, Trung tâm Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

#### **4. Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

##### **4.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn**

###### **a) Nội dung hỗ trợ:**

- Hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện. Phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp;

- Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn huyện; phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn huyện; đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

**b) Kinh phí thực hiện:** 3.984 triệu đồng (vốn ngân sách trung ương); vốn đầu tư là 1.246 triệu đồng; vốn sự nghiệp 2.738 triệu đồng.

###### **c) Phân công thực hiện:**

- Đơn vị trực tiếp thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung tâm GDNN và GDTX huyện; UBND các xã, thị trấn.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Trung tâm GDNN và GDTX huyện; các cơ quan, ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

##### **4.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

###### **a) Nội dung hỗ trợ:**

Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động; một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân tộc thiểu số, người lao động sinh sống trên địa bàn huyện.

**b) Kinh phí thực hiện:** 779 triệu đồng (vốn sự nghiệp, ngân sách trung ương).

###### **c) Phân công thực hiện:**

- Đơn vị trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.



- Cơ quan chủ trì: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

### **4.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững**

#### **a) Nội dung hỗ trợ:**

Hỗ trợ cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc; hỗ trợ giao dịch việc làm; quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác; thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động; hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

**b) Kinh phí thực hiện:** 238 triệu đồng (vốn sự nghiệp, ngân sách trung ương).

#### **c) Phân công thực hiện:**

- Đơn vị trực tiếp thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

### **5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo**

#### **a) Nội dung hỗ trợ:**

Xây mới sửa chữa, nâng cấp 42 nhà ở (trong đó 37 nhà làm mới, 05 nhà sửa chữa); đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m<sup>2</sup> “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện.

**b) Kinh phí thực hiện:** 2.370 triệu đồng (trong đó: vốn ngân sách trung ương 1.580 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương, xã hội hóa 790 triệu đồng).

#### **c) Phân công thực hiện:**

- Đơn vị trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân các xã.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các xã.

### **6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

#### **6.1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin**

#### **a) Nội dung hỗ trợ:**

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông; cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ

tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Đài truyền thanh xã, bảng tin điện tử công cộng, trang bị phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin cổ động cấp xã, truyền thanh thôn, bản thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn), để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội;

- Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

**b) Kinh phí thực hiện:** 661 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương).

**c) Phân công thực hiện:**

- Đơn vị trực tiếp thực hiện: Phòng Văn hóa và Thông tin, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

## **6.2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều**

**a) Nội dung hỗ trợ:**

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững; tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo; hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững;

- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo;

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới;

- Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở; phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

**b) Kinh phí thực hiện:** 165 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương).

**c) Phân công thực hiện:**

- Đơn vị trực tiếp thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Truyền thông và Văn hóa, các cơ quan, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

**7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**

**7.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình**

**a) Nội dung hỗ trợ:**

- Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn;

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

**b) Kinh phí thực hiện:** 472 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương).

**c) Phân công thực hiện:**

- Đơn vị trực tiếp thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

**7.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá**

**a) Nội dung hỗ trợ:**

Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất; rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

**b) Kinh phí thực hiện:** 234 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương).

**c) Phân công thực hiện:**

- Đơn vị trực tiếp thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

**8. Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình:** 69.685 triệu đồng (trong đó: vốn đầu tư phát triển 47.248 triệu đồng, vốn sự nghiệp 19.773 triệu đồng).

Trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương: 67.021 triệu đồng

- Vốn ngân sách địa phương, xã hội hoá: 2.664 triệu đồng (ngân sách địa phương 1.874 triệu đồng; xã hội hoá 790 triệu đồng)

*(Có Phụ lục 03 kèm theo)*

**IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân trên địa bàn huyện về đối tượng, phạm vi, nội dung chính sách hỗ trợ của các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình, trách nhiệm của các bên liên quan trong việc tổ chức thực hiện Chương trình; vận động các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trên địa bàn huyện cùng tham gia thực hiện Chương trình để góp phần giảm nghèo bao trùm, bền vững trên địa bàn huyện.

2. Tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao trách nhiệm, tính chủ động của các cơ quan, ban, ngành, địa phương, đặc biệt là cấp xã trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình để triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình đảm bảo hiệu quả, kịp thời, đúng đối tượng, đúng chính sách.

3. Tập trung huy động, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư phát triển của Chương trình với các nguồn vốn hợp pháp khác để ưu tiên đầu tư, củng cố các công trình hạ tầng thiết yếu như: giao thông, thủy lợi, hệ thống điện, công trình y tế, giáo dục, nước sạch đạt chuẩn... tại các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện để tăng cường liên kết giữa các xã đặc biệt khó khăn với các vùng khác trong và ngoài tỉnh nhằm phục vụ phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân tại các xã nghèo trong huyện.

4. Lồng ghép có hiệu quả việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chung và các chính sách giảm nghèo thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Giữa Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia

xây dựng nông thôn mới để giảm thiểu sự chông chéo, trùng lặp về đối tượng, phạm vi thực hiện, qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Chương trình.

5. Mở rộng và tạo điều kiện tăng cường sự tham gia của người dân đối với các hoạt động của Chương trình, từ việc xác định đối tượng thụ hưởng các chính sách hỗ trợ đến việc lập kế hoạch, triển khai, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện để bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch trong suốt quá trình thực hiện Chương trình; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình của tất cả các cấp, các ngành, phát huy quyền giám sát của người dân ở các vùng được hưởng lợi chương trình, dự án.

6. Tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tham gia phối hợp trong việc tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện và giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình tại mỗi địa phương cũng như trên phạm vi toàn huyện.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Các ngành thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia cấp huyện

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và những nội dung liên quan tại Kế hoạch này để xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện, đồng thời tổ chức hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các giải pháp giảm nghèo theo từng lĩnh vực các ngành phụ trách, theo dõi; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện ở cơ sở, cụ thể:

#### *1.1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội:*

- Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện; các xã, thị trấn triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn toàn huyện.

- Chủ trì, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Dự án 4 (Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững), Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 (Truyền thông về giảm nghèo đa chiều) và Dự án 7 (Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia, các xã, thị trấn thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch giảm nghèo trên địa bàn huyện; thường xuyên nắm bắt, tham mưu, đề xuất xử lý những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch; đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch của các đơn vị, địa phương theo phân công tại Kế hoạch này.

- Định kỳ, tổng hợp, báo cáo Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo theo quy định và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch gửi

Ủy ban nhân dân huyện (báo cáo 6 tháng gửi trước 10/6, báo cáo năm gửi trước 10/12).

### **1.2. Phòng Tài chính - Kế hoạch:**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan cân đối, tham mưu phân bổ hợp lý nguồn vốn đầu tư thực hiện kế hoạch từ nguồn vốn Trung ương. Hướng dẫn cơ chế quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu; tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt kinh phí hỗ trợ từ ngân sách địa phương để tổ chức thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Theo chức năng nhiệm vụ được giao, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và thanh toán kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, dự án thuộc Kế hoạch theo quy định.

- Kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc thực hiện cơ chế quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia của các ngành, địa phương gắn với việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

### **1.3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

- Chủ trì triển khai thực hiện Dự án 2 (Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo) và Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 (Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp); chủ trì hướng dẫn triển khai thực hiện đối với các dự án đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (báo cáo 6 tháng gửi trước 05/6, báo cáo năm gửi trước 05/12), để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện.

### **1.4. Phòng Văn hóa và Thông tin:**

Chủ trì triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6 (Giảm nghèo về thông tin); theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (báo cáo 6 tháng gửi trước 05/6, báo cáo năm gửi trước 05/12), để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện.

### **1.5. Văn phòng HĐND và UBND, Trung tâm Y tế:**

- Chủ trì triển khai thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 (Cải thiện dinh dưỡng);

- Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (báo cáo 6 tháng gửi trước 05/6, báo cáo năm gửi trước 05/12), để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện.

### **1.6. Phòng Kinh tế và Hạ tầng:**

- Chủ trì triển khai thực hiện Dự án 5 (Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện).

- Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (báo cáo 6 tháng gửi trước 05/6, báo cáo năm gửi trước 05/12), để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện.

### **2. Các cơ quan, ban, ngành liên quan**

Tham gia triển khai nội dung Chương trình trong phạm vi và nội dung, nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực do cơ quan, ban, ngành quản lý.

### **3. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn**

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023, gắn với xây dựng nông thôn mới đảm bảo hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan, ban, ngành của huyện (các cơ quan chủ trì dự án, chủ trì tiểu dự án), hướng dẫn, chỉ đạo cơ sở triển khai thực hiện dự án đạt hiệu quả.

- Lồng ghép nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với các nguồn vốn của các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn để giải quyết các chiều thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo như: nước sạch, vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin...

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát. Chủ động lồng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình, dự án khác và các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để thực hiện Chương trình.

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát đánh giá tại cơ sở nhằm phát hiện các sai sót và chấn chỉnh kịp thời.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi cần thiết) về tình hình triển khai thực hiện Chương trình về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp; báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (báo cáo 6 tháng gửi trước 05/6, báo cáo năm gửi trước 05/12), để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện.

### **4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện**

Tổ chức vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023;

phối hợp thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, thực hiện các mô hình hỗ trợ giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo về hỗ trợ làm nhà ở, phát triển sản xuất... và đẩy mạnh các hoạt động chăm lo cho người nghèo.

Ủy ban nhân dân huyện đề nghị các cơ quan, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc liên hệ với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện./.

**Nơi nhận:**

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo VP HĐND và UBND
- Lưu: VT, PLĐTBXH.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Khang A Chua**



Phụ lục 01

**CHỈ TIÊU GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2023**

(Kèm theo Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 12/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tràm Tràu)

Stt	Xã, thị trấn	Chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2022		Kết quả rà soát cuối năm 2022				Chỉ tiêu năm 2023				Kết quả cuối năm 2023			
		Kế hoạch (%)	Thực hiện (%)	Tổng số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ cận nghèo (hộ)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	Chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo (%)	Số hộ nghèo giảm trong năm (hộ)	Chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo (%)	Số hộ cận nghèo giảm trong năm (hộ)	Số hộ nghèo cuối năm 2023 (hộ)	Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2023 (%)	Số hộ cận nghèo cuối năm 2023 (hộ)	Tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm 2023 (%)
1	Thị trấn Tràm Tràu	0,64	1,45	41	5,29	9	1,16	0,34	2	0,14	1	39	4,95	8	1,02
2	Xã Hát Lừ	5,54	5,78	102	11,75	135	15,55	3,25	27	6,71	57	75	8,5	78	8,84
3	Xã Bán Công	7,73	8,4	414	74,59	21	3,78	7,39	35	0,59	3	379	67,2	18	3,19
4	Xã Bán Mù	7,38	7,58	757	72,58	67	6,42	7,67	69	0,76	7	688	64,91	60	5,66
5	Xã Xà Hồ	7,18	7,2	457	71,74	36	5,65	7,54	41	0,56	3	416	64,2	33	5,09
6	Xã Tràm Tràu	12,77	12,96	264	50,97	28	5,41	12,83	63	1,61	8	201	38,14	20	3,80
7	Xã Pá Hu	6,83	6,95	379	78,79	33	6,86	7,42	30	0,52	2	349	71,37	31	6,34
8	Xã Pá Lau	6,14	6,35	225	68,81	26	7,95	6,76	19	0,72	2	206	62,05	24	7,23
9	Xã Túc Đán	6,52	9,5	495	68,37	108	14,92	7,64	48	1,33	8	447	60,73	100	13,59
10	Xã Phình Hồ	6,7	6,99	223	67,78	15	4,56	7,6	22	0,67	2	201	60,18	13	3,89
11	Xã Làng Nhì	7,19	8,3	327	78,99	25	6,04	6,78	23	0,81	3	304	72,21	22	5,23
12	Xã Tà Xi Láng	6,02	6,31	298	75,83	45	11,45	6,66	22	0,92	3	276	69,17	42	10,53
	<b>Tổng cộng: 12</b>	<b>6,5</b>	<b>6,95</b>	<b>3.982</b>	<b>56,37</b>	<b>548</b>	<b>7,76</b>	<b>6,5</b>	<b>401</b>	<b>1,5</b>	<b>99</b>	<b>3.581</b>	<b>49,87</b>	<b>449</b>	<b>6,26</b>

Phụ lục số 02

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGHỀ, GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM, CHUYÊN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG CHO LAO ĐỘNG THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2023**

(Kèm theo Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 12/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Trạm Tấu)

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số (người)	Chia ra các xã, thị trấn										Ghi chú		
			Thị trấn	Hát Lừu	Xã Hồ	Bản Mù	Bản Công	Trạm Tấu	Pá Hu	Pá Lau	Túc Đán	Phình Hồ		Làng Nhi	Tà Xi Láng
1	Đào tạo nghề	521	3	60	58	63	43	45	41	40	56	38	37	37	
	Cao đẳng	48	1	7	7	7	4	5	3	3	4	3	2	2	
	Trung cấp	99	2	13	11	14	9	10	8	7	10	5	5	5	
	Sơ cấp và dưới 03 tháng	374		40	40	42	30	30	30	30	42	30	30	30	
2	Giải quyết việc làm	520	12	66	65	88	45	49	37	26	54	23	28	27	
	Trong tỉnh	380	6	45	47	67	33	32	30	19	41	15	23	22	
	Ngoài tỉnh	70	1	8	9	9	6	8	5	5	9	4	3	3	
	Xuất khẩu lao động	35	0	8	5	6	3	5	1	1	2	2	1	1	
	Vay vốn Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm	35	5	5	4	6	3	4	1	1	2	2	1	1	
3	Chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp	140	1	9	19	21	12	11	10	9	18	9	10	11	

TR

Phụ lục 03

**KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023**

(Kèm theo Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 12/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tràm Tấn)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung/dự án	Kế hoạch vốn năm 2023					
		Tổng nguồn vốn	Vốn đầu tư		Vốn sự nghiệp		
			Ngân sách TW	Ngân sách địa phương, xã hội hóa	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương, xã hội hóa	
A	B	1	2	3	4	5	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>69.685,00</b>	<b>47.248,00</b>	<b>1.874,00</b>	<b>19.773,00</b>	<b>790,00</b>	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	52.230,00	46.002,00	1.874,00	4.354,00		
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	5.268,00			5.268,00		
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	3.284,00			3.284,00		
3.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	2.324,00			2.324,00		
3.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	960,00			960,00		
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm	5.001,00	1.246,00		3.755,00		
4.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	3.984,00	1.246,00		2.738,00		

		Kế hoạch vốn năm 2023					
STT	Nội dung/dự án	Tổng nguồn vốn	Vốn đầu tư		Vốn sự nghiệp		
			Ngân sách TW	Ngân sách địa phương, xã hội hóa	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương, xã hội hóa	
4.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài	779,00			779,00		
4.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	238,00			238,00		
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	2.370,00			1.580,00	790,00	
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	826,00			826,00		
6.1	Tiểu Dự án 1: Giám nghèo về thông tin	661,00			661,00		
6.2	Tiểu Dự án 2: Truyền thông giảm nghèo	165,00			165,00		
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình	706,00			706,00		
7.1	Tiểu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	472,00			472,00		
7.2	Tiểu Dự án : Giám sát, đánh giá	234,00			234,00		

TT